

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2020/DS-PT  
Ngày 26 – 8 – 2020  
V/v tranh chấp quyền về lối đi  
chung qua bất động sản liền kề.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Mạnh Hùng

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Vân

Ông Nguyễn Văn Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Phước Minh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:**  
Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2019/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp quyền về lối đi chung qua bất động sản liền kề*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 36/2019/DS-ST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố BL bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 265/2020/QĐ-PT ngày 12/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Đinh Văn H, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Số 102 Nguyễn Thị Minh K, phường BL, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Ông Nguyễn Mạnh H1, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Số 138/4 Chu Văn A, Phường 1, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

(Văn bản ủy quyền ngày 07/01/2020).

**- Bị đơn:** Vợ chồng ông Trần Ngọc H2, sinh năm: 1966.

Bà Vũ Thị Thu H, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Số 437 Nguyễn Văn C, phường LP, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.  
*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Bà Trần Thị Kim H1, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Thôn TP, phường LP, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.  
(Văn bản ủy quyền ngày 04/02/2020).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Lê Nguyên H3 – Là Luật sư của Công ty Luật TNHH L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Số 161 HG, Phường 1, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo:* Vợ chồng ông Trần Ngọc H2, bà Vũ Thị Thu H – Bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân thành phố BL.

(Ông Hoán, ông H1, bà H1, ông Đ, Luật sư H3 có mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Đinh Văn H là ông Nguyễn Mạnh H1 thì:*

Năm 2007, ông Đinh Văn H có mua của ông Hoàng Phi L diện tích đất 1.402m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 420, tờ bản đồ số F.137.IA theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 964745, khi mua đã có con đường đi từ nhà ông H2 đầu hẻm là đường Nguyễn Văn C thông sang hẻm 449 Nguyễn Văn C có chiều rộng là 3m. Đến ngày 08/9/2007, ông H bán cho ông Điệp diện tích 247m<sup>2</sup> chiều ngang mặt đường hẻm này 12m; năm 2011, ông H bán cho ông Ngô Văn C, bà Phạm Thị X thửa đất số 538, tờ bản đồ số 16, diện tích 196m<sup>2</sup>; phần đất còn lại 1.155m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 456 (được tách ra từ thửa đất 420) của diện tích đất nêu trên không có đường đi mà phải đi về phía sau con hẻm 449 Nguyễn Văn C có chiều rộng 3m. Năm 2018, có người vào mua đất của ông H và tiến hành đo đạc thì vợ chồng ông H2, bà H ngăn cản không cho ông H bán và yêu cầu ông H muốn đi chung con đường hẻm này thì phải trả tiền mở đường cho ông H2, bà H với số tiền là 600.000.000 đồng. Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết xác định làm rõ đoạn đường hiện nay đang tranh chấp thuộc của ai? có phải là lối đi chung hay không? diện tích đất phần đầu của con hẻm giáp đất của vợ chồng ông H2, bà H có phải là đất của vợ chồng ông H2, bà H bỏ ra để mở đường hay không. Nếu đoạn đường thuộc đất của vợ chồng ông H2, bà H thì yêu cầu Tòa án định giá đất đoạn đường mở lối đi qua bất động sản với chiều rộng 3m, dài 28m theo quy định pháp luật. Trường hợp con đường này đã có từ trước là đường đi chung thì đề nghị vợ chồng ông H2, bà H phải cho ông H đi chung trên con đường này và cấm mọi hành vi ngăn cản trái quy định pháp luật. Ngoài ra ông H không có yêu cầu gì thêm.

*Theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vợ chồng ông Trần Ngọc H2, bà Vũ Thị Thu H là bà Hồ Thị P thì:*

Nguồn gốc con hẻm đi ra đường Nguyễn Văn C thuộc tổ 5, phường LP, theo bản đồ địa chính năm 1983 thì con hẻm không tên này có chiều rộng 1,3m do cha của ông Trần Ngọc H2 là ông Trần Văn R bỏ đất ra để mở con đường hẻm này. Hiện nay theo bản đồ đo vẽ con hẻm này phía giáp mặt đường Nguyễn Văn C, một bên hẻm sát với nhà thờ, một bên sát nhà vợ chồng ông H2, bà H có chiều rộng đầu hẻm là 2,5m; phía trong tính từ lộ giới đường Nguyễn Văn C trở vào hết đất của vợ chồng ông H2, bà H có chiều rộng (ngang) 1,8m, chiều dài là 28,5m với tổng diện tích là 69m<sup>2</sup>. Toàn bộ diện tích đất 69m<sup>2</sup> của đoạn hẻm này là đất của vợ chồng ông H2, bà H thuộc thửa đất số 148a, tờ bản đồ số F.137.IA. Con hẻm cũ trước đây có chiều rộng chỉ 1,3 m, hiện nay vợ chồng ông H2, bà H đã dâng cho nhà thờ phần đất này và nhà thờ đã xây nhà thờ nên không còn con đường cũ theo như bản đồ trước đây nữa. Con đường hẻm này hiện nay nằm trên phần diện tích đất của vợ chồng ông H2, bà H. Chính vì lý do đó, nên ngày 15/3/2018 ông H chủ động đến nhà vợ chồng ông H2, bà H thương lượng mua con đường hẻm nêu trên để đi chung có chiều rộng phía đầu hẻm 2,5m, chiều sâu 28m, với diện tích đất 69m<sup>2</sup> với giá tiền là 600.000.000 đồng. Hiện nay ông H kêu bán phần đất của ông H ở phía trong hẻm này, bán cho người khác với giá 170.000.000đ/1m ngang mặt đường hẻm. Nên vợ chồng ông H2, bà H yêu cầu ông H muốn đi qua phần đất của vợ chồng ông H2, bà H trên con hẻm này ra đường Nguyễn Văn C thì phải thanh Toán cho vợ chồng ông H2, bà H số tiền như hai bên đã thỏa thuận trước đây là 600.000.000 đồng là hợp lý. Nếu ông H không đồng ý thanh toán số tiền trên thì ông H phải cắt một phần diện tích đất có chiều ngang mặt đường hẻm là 7m kéo dài hết đất, tương ứng với số tiền nêu trên trả cho vợ chồng ông H2, bà H thì ông H sẽ được đi chung trên con đường hẻm này và vợ chồng ông H2, bà H đồng ý cho đi qua và sẽ không ngăn cản ông H.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 36/2019/DS-ST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố BL. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Văn H đối với bị đơn ông Trần Ngọc H2 và bà Vũ Thị Thu H như sau:

Buộc vợ chồng ông Trần Ngọc H2 và bà Vũ Thị Thu H phải cho ông Đinh Văn H được thực hiện (quyền về lối đi qua bất động sản liền kề) quyền đi chung trên con hẻm đi ra đường Nguyễn Văn C, thuộc tổ 5, phường LP, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng (đoạn đường hẻm có hai mặt, một bên giáp nhà thờ và một bên giáp nhà ông H2 và bà H, diện tích đất 69m<sup>2</sup> có sơ đồ vẽ hiện trạng kèm theo).

Xử bác yêu cầu của ông Trần Ngọc H2 và bà Vũ Thị Thu H về việc không cho ông Đinh Văn H đi qua bất động sản là diện tích đất 69m<sup>2</sup>, nằm trên đoạn đường hẻm giáp với thửa 148a, tờ bản đồ số F.137.IA tại tổ 5, phường LP, thành phố BL.

Ngoài ra, Tòa án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 19/10/2019, bị đơn vợ chồng ông Trần Ngọc H2, bà Vũ Thị Thu H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án Dân sự sơ thẩm số: 36/2019/DS-ST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố BL.

Ngày 29/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố BL có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 02/QĐKNPT-VKS-DS, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn vợ chồng ông Trần Ngọc H2, bà Vũ Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng.

*Tại phiên tòa hôm nay:* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vợ chồng ông Trần Ngọc H2, bà Vũ Thị Thu H là bà Trần Thị Kim H1 vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đinh Văn H là ông Nguyễn Mạnh H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhận định: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng pháp luật. Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông Trần Ngọc H2, bà Vũ Thị Thu H; chấp nhận kháng nghị số: 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 29/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố BL, sửa một phần Bản án Dân sự sơ thẩm số: 36/2019/DS-ST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố BL về: Hủy một phần bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết đối với nội dung bản án sơ thẩm về việc tuyên đối với yêu cầu của vợ chồng ông H2, bà H; sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí theo hướng buộc bị đơn vợ chồng ông H2, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng, sửa bản án sơ thẩm về phần xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp quyền về lối đi chung”.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng và quan hệ tranh chấp: Xuất phát việc nguyên đơn ông Đinh Văn H cho rằng lối đi có diện tích 69m<sup>2</sup> phần đầu con hẻm đi ra đường Nguyễn Văn C, thuộc tổ 5, phường LP, thành phố BL là lối đi chung nên yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Trần Ngọc H2, bà Vũ Thị Thu H phải cho ông đi chung con đường này.

Bị đơn vợ chồng ông Trần Ngọc H2, bà Vũ Thị Thu H không đồng ý với yêu cầu của ông H mà cho rằng con đường này do ông Trần Văn R (cha ông H2) bỏ đất ra để mở con đường này, nếu ông H muốn đi chung con đường này thì phải thanh toán số tiền như thỏa thuận trước đây là 600.000.000 đồng hoặc cắt phần diện tích đất của ông H có chiều ngang mặt tiền đường hẻm là 7m kéo dài đến hết đất cho vợ chồng ông Trần Ngọc H2, bà Vũ Thị Thu H nên các bên phát sinh tranh chấp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ

án này là “*Tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản*” là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông Trần Ngọc H2, bà Vũ Thị Thu H thì thấy rằng:

Diện tích đất tranh chấp 69m<sup>2</sup> phần đầu con hẻm đi ra đường Nguyễn Văn C, thuộc tổ 5, phường LP, thành phố BL có nguồn gốc là đất của ông Trần Văn R (cha ông Trần Ngọc H2). Ông R mở ra con hẻm này với mục đích là để làm đường đi chung cho các hộ mua đất ở phía sau nhà của ông R. Trong các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trích lục thửa đất của các hộ, trong đó có đất của ông H đều thể hiện là có con đường đi chung này. Hiện nay theo bản đồ đo vẽ con hẻm này phía đầu hẻm giáp mặt đường Nguyễn Văn C có chiều rộng 2,5m; tính từ lộ giới đường Nguyễn Văn C trở vào phía trong đến hết đất của ông H2, bà H sâu 28,5m thì ở đoạn này có chiều rộng là 1,8m, đoạn hẻm này có diện tích đất là 69m<sup>2</sup>.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm thì Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân phường LP, thành phố BL thì được biết: Theo bản đồ địa chính phường LP năm 1995 thì con hẻm nêu trên đi thông qua hẻm 449 có chiều rộng là 2,5 m, phía trong rộng 3m có nhiều hộ đi chung.

Qua đo vẽ xác định diện tích đất mà ông R, bà U được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 14/5/2004 tại thửa 148a, tờ bản đồ số F.137.I.A phường LP, thành phố BL thì được biết: Ông R, bà U đã bán cho người khác một phần, diện tích còn lại ông R cho ông H2 là con trai và bà H là con dâu 276,5m<sup>2</sup>. Sau khi đo lại diện tích đất này vào ngày 17/6/2019 thì diện tích đất thực tế vợ chồng ông H2, bà H được tặng cho đang sử dụng là 269,1m<sup>2</sup>. Như vậy, diện tích đất mà vợ chồng ông H2, bà H được tặng cho trước đây so với diện tích đất thực tế hiện nay đang sử dụng chỉ thiếu 7,4 m<sup>2</sup>.

Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà H1 cho rằng trước đây con hẻm này là đường đất do gia đình ông R cha đẻ của ông H2 hiến 1,3m cho nhà thờ và sau này do gia đình có đất phía sau nên mới mở rộng thêm lối đi và hiện nay là con đường đang tranh chấp nhưng qua Biên bản xác minh ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố BL tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì được biết hiện nay phường LP không còn lưu trữ bản đồ địa chính cũ về con đường đang tranh chấp; theo bản đồ địa chính mới được đo đạc năm 1995 (theo ranh 364) con đường đang tranh chấp có diện tích 69m<sup>2</sup> thuộc đất giao thông, hiện nay do nhà nước quản lý.

Mặt khác, tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố BL đối với bà Phạm Thị M thì bà M khai nhận: Nguồn gốc con đường hiện nay đang tranh chấp đã có từ lâu, từ trước khi bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Bình Đ1, sau đó bà bán lại cho ông Đ2, ông Đ2 bán lại cho ông H thế nào thì bà không nhớ, khi bà mua đất của ông Đ1 thì không mua con đường đi và khi bà bán lại đất cho ông Đ2 thì bà cũng không bán lại phần đường đi.

Bên cạnh đó, tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố BL đối với ông Mai Vinh S là cha xứ Giáo họ AT thì được biết năm 2013 khi ông S về làm cha xứ của Giáo họ AT thì đã có con đường đi trên.

Thực tế con đường đi này đã có từ trước, năm 2007 ông H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Hoàng Phi L và vẫn sử dụng con đường đi chung này làm lối đi chính nhưng vợ chồng ông H2, bà H và cả ông R, bà U cũng không có ý kiến, thắc mắc gì, đến năm 2018 khi ông H có ý định chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác thì mới phát sinh tranh chấp.

Đối với giấy đề nghị do ông H2 tự viết ngày 15/3/2018, với nội dung ông H muốn đi qua phần đất do ông H2 mở đường hẻm để đi ra đường Nguyễn Văn C thì phải trả cho ông H2 và bà H số tiền 600.000.000đ (giấy viết tay bản phô tô) thì thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì ông H khai nhận đề nghị nêu trên của ông H2 không được ông tự nguyện, ông H2 tự viết ra chứ không có việc thỏa thuận và giấy đề nghị nêu trên không đúng pháp luật.

Xét thấy, do con hẻm trên là đất công sản do nhà nước quản lý, nhằm phục vụ lợi ích công cộng nên ông H có đất trong con hẻm này thì được quyền đi chung mà không ai có quyền ngăn cấm nên với việc vợ chồng ông H2, bà H cho rằng diện tích đất 69m<sup>2</sup> hiện nay đang tranh chấp là đất của mình thuộc thửa đất 148a do vợ chồng ông H2, bà H bỏ ra để mở đường hẻm và yêu cầu ông H phải trả 600.000.000 đồng hoặc cắt phần diện tích đất của ông H có chiều ngang mặt tiền đường hẻm là 7m kéo dài đến hết đất cho vợ chồng ông H2, bà H thì vợ chồng ông H2, bà H mới cho đi qua diện tích đất 69m<sup>2</sup> thuộc đường hẻm trên. Tuy nhiên, đây chỉ là lời trình bày của vợ chồng ông H2, bà H chứ không phải yêu cầu phản tố nên Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu phản tố nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên “*Bác yêu cầu của ông Trần Ngọc H2 và bà Vũ Thị Thu H về việc không cho ông Đinh Văn H đi qua bất động sản là diện tích đất 69m<sup>2</sup>, nằm trên đoạn đường hẻm giáp với thửa 148a, tờ bản đồ số F.137.IA tại tổ 5, phường LP, thành phố BL*” là vượt quá yêu cầu của đương sự. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm cần hủy một phần bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết đối với nội dung bản án sơ thẩm tuyên phần yêu cầu của vợ chồng ông H2, bà H là có căn cứ.

Xét Quyết định kháng nghị 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 29/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố BL thì thấy rằng:

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì “*Đối với tranh chấp về quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất thì nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định như sau:*

*a) Trường hợp tranh chấp về quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất mà Tòa án không xem xét giá trị, chỉ xem xét quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất của ai thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án không có giá ngạch;*

Với quy định trên thì thấy rằng: Trong vụ án này ông H chỉ khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định con đường hẻm hiện nay đang tranh chấp là lối đi chung, mà không tranh chấp về giá trị quyền sử dụng đất, nên vụ án này không có giá ngạch nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định đây là vụ án có giá ngạch để buộc vợ chồng ông H2, bà H phải chịu 13.282.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là không đúng quy định của pháp luật, nên Tòa án cấp phúc thẩm cần chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố BL để sửa bản án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ.

Với phân tích trên, Tòa án cấp phúc thẩm cần chấp nhận một phần kháng cáo bị đơn vợ chồng ông Trần Ngọc H2, bà Vũ Thị Thu H; chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố BL để sửa bản án sơ thẩm theo hướng nhận định trên là có căn cứ.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ, định giá tại giai đoạn sơ thẩm là 4.155.000 đồng (ông H đã quyết toán)

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ tại giai đoạn phúc thẩm là 5.167.000 đồng (người đại diện theo ủy quyền của vợ chồng ông H2, bà H đã quyết toán).

Tổng cộng là: 9.322.000 đồng.

Do yêu cầu khởi kiện của ông H được chấp nhận toàn bộ nên buộc vợ chồng ông H2, bà H phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng với số tiền 9.322.000 đồng. Ông H đã nộp số tiền 4.155.000 đồng nên buộc vợ chồng ông H2, bà H thanh toán lại cho ông H số tiền 4.155.000 đồng là có căn cứ.

[5] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm nhưng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Cụ thể:

Buộc vợ chồng ông Trần Ngọc H2, bà Vũ Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 - Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với nội dung bản án sơ thẩm tuyên “*Bác yêu cầu của ông Trần Ngọc H2 và bà Vũ Thị Thu H về việc không cho ông Đinh Văn H đi qua bất động sản là diện tích đất 69m<sup>2</sup>, nằm trên đoạn đường hẻm giáp với thửa 148a, tờ bản đồ số F.137.1A tại tổ 5, phường LP, thành phố BL*”.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông Trần Ngọc H2, bà Vũ Thị Thu H.

Chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị số: 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 29/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố BL, sửa bản án sơ thẩm. Xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Văn H đối với bị đơn vợ chồng ông Trần Ngọc H2, bà Vũ Thị Thu H về việc “*Tranh chấp quyền về lối đi chung qua bất động sản liền kề*”:

Buộc vợ chồng ông Trần Ngọc H2, bà Vũ Thị Thu H phải cho ông Đinh Văn H được thực hiện (quyền về lối đi qua bất động sản liền kề) quyền đi chung trên con hẻm đi ra đường Nguyễn Văn C, thuộc tổ 5, phường LP, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng (đoạn đường hẻm có hai mặt, một bên giáp nhà thờ và một bên giáp nhà vợ chồng ông Trần Ngọc H2, bà Vũ Thị Thu H diện tích đất 69m<sup>2</sup> có sơ đồ vẽ hiện trạng kèm theo).

2- Về chi phí tố tụng:

2.1- Buộc vợ chồng ông Trần Ngọc H2, bà Vũ Thị Thu H phải chịu số tiền 9.322.000 đồng.

2.2- Buộc vợ chồng ông Trần Ngọc H2, bà Vũ Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán lại cho Đinh Văn H số tiền 4.155.000 đồng.

- Lãi suất chậm thi hành án:

“Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự”.

3- Về án phí sơ thẩm:

3.1- Buộc vợ chồng ông Trần Ngọc H2, bà Vũ Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2- Hoàn trả cho ông Đinh Văn H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002294 ngày 09/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố BL.

4- Về án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho vợ chồng ông Trần Ngọc H2, bà Vũ Thị Thu H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0016401 ngày 22/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố BL.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.



**Nơi nhận**

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND Tp. Bảo Lộc;
- CCTHADS Tp. Bảo Lộc;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Mạnh Hùng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Châu Thạch - Lê Thị Vân**

**Đỗ Mạnh Hùng**

